

Số: /TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu ngành Y tế

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1116/QĐ-TTg ngày 07/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai thi hành Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Y tế;

Bộ trưởng Y tế ban hành Thông tư quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu ngành Y tế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu ngành y tế.
- Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu ngành Y tế

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành y tế.

2. Việc áp dụng các quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu được thực hiện như sau:

a) Thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu ngành Y tế được xác định theo khoản 1, 2, 3, 4 của Điều 15 Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15

b) Thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu dùng để xác định thời hạn bảo quản cho các hồ sơ, tài liệu ngành Y tế bao gồm cả tài liệu giấy, tài liệu trên vật mang tin khác và tài liệu điện tử.

c) Người được giao xử lý công việc có trách nhiệm xác định cụ thể thời hạn lưu trữ đối với hồ sơ, tài liệu.

d) Đối với hồ sơ, tài liệu chưa được quy định tại Thông tư này, cơ quan, tổ chức và cá nhân áp dụng thời hạn lưu trữ tương đương và các quy định của pháp luật khác có liên quan để xác định. Mức xác định thời hạn bảo quản hồ sơ,

tài liệu không được thấp hơn mức thời hạn lưu trữ được quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025
2. Thông tư số 53/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Y tế quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu ngành Y tế hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong ngành Y tế và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này nếu có vấn đề mới phát sinh, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh về Bộ Y tế để kịp thời sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội (để giám sát);
- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ);
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, Cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, VPB5.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục
THỜI HẠN BẢO QUẢN HỒ SƠ, TÀI LIỆU NGÀNH Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ Y tế)

TT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	THBQ	Ghi chú
	Nhóm 01. Tài liệu về khám bệnh, chữa bệnh		
1.	Hồ sơ về xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và ban hành các quy định, chuyên môn tại các cơ sở khám chữa bệnh	Vĩnh viễn	
2.	Hồ sơ xây dựng hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về khám chữa bệnh	Vĩnh viễn	
3.	Hồ sơ chăm sóc sức khỏe cán bộ trung và cao cấp	Vĩnh viễn	
4.	Hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định hoạt động hỗ trợ nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam	Vĩnh viễn	
5.	Hồ sơ xây dựng quy định công nhận nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh	Vĩnh viễn	
6.	Hồ sơ quy trình chuẩn (SOPs) hoạt động thử nghiệm lâm sàng	20 năm	
7.	Hồ sơ quy trình chuẩn (SOPs) hoạt động khoa học công nghệ	20 năm	
8.	Hồ sơ khắc phục hậu quả chất độc hóa học/dioxin và bom mìn lên sức khỏe con người	Vĩnh viễn	
9.	Hồ sơ tài liệu dự án phục hồi chức năng cho nạn nhân chất độc da cam và bom mìn	50 năm	
10.	Hồ sơ xây dựng ban hành tài liệu danh mục kỹ thuật phục hồi chức năng	Vĩnh viễn	
11.	Hồ sơ xây dựng quy trình kỹ thuật chăm sóc phục hồi chức năng	50 năm	
12.	Hồ sơ xây dựng văn bản pháp luật, chính sách văn bản chỉ đạo về công tác giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần	Vĩnh viễn	
13.	Hồ sơ kết luận về kết quả giám định pháp y, pháp y tâm thần	Vĩnh viễn	
14.	Hồ sơ giám định y khoa	70 năm	
15.	Hồ sơ giám định pháp y độc chất, AND, mô bệnh học và các loại hình giám định khác	50 năm	
16.	Hồ sơ giám định pháp y tâm thần	50 năm	
17.	Hồ sơ hướng dẫn triển khai, báo cáo các hoạt động giám định pháp y và pháp y tâm thần	30 năm	
18.	Hồ sơ kiểm tra, giám sát các hoạt động giám định pháp y và pháp y tâm thần	30 năm	

19.	Hồ sơ về chỉ đạo, điều phối và tổ chức triển khai các dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần	20 năm	
20.	Hồ sơ giám định sức khỏe bắt buộc chữa bệnh và sức khỏe tâm thần dân sự (ngoài tố tụng)	20 năm	
21.	Hồ sơ khám sức khỏe tâm thần để kết hôn với người nước ngoài	05 năm	
22.	Hồ sơ kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về pháp y và pháp y tâm thần	10 năm	
23.	Hồ sơ kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo cho cán bộ làm công tác giám định pháp y và pháp y tâm thần	10 năm	
24.	Hồ sơ thỏa thuận bổ nhiệm giám định viên pháp y	10 năm	
25.	Hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về chính sách kiểm soát nhiễm khuẩn	Vĩnh viễn	
26.	Hồ sơ hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và quy trình kỹ thuật kiểm soát nhiễm khuẩn	50 năm	
27.	Hồ sơ xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án kiểm soát nhiễm khuẩn	Theo hiệu lực ban hành văn bản	
28.	Hồ sơ xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, đào tạo kiểm soát nhiễm khuẩn	20 năm	
29.	Hồ sơ xây dựng văn bản pháp luật, chính sách, văn bản chỉ đạo về công tác điều dưỡng	Vĩnh viễn	
30.	Hồ sơ xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án điều dưỡng	50 năm	
31.	Hồ sơ kế hoạch, tổ chức tập huấn, đào tạo điều dưỡng	20 năm	
32.	Hồ sơ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phòng chống bạo lực giới, bạo lực gia đình.	Vĩnh viễn	
33.	Hồ sơ tiếp nhận chăm sóc y tế người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình	20 năm	
34.	Báo cáo thống kê người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình	20 năm	
35.	Hồ sơ về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	20 năm	
36.	Hồ sơ xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng điều trị	Vĩnh viễn	
37.	Hồ sơ về chỉ đạo tuyến, phân tuyến chuyên môn kỹ thuật cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vĩnh viễn	
38.	Hồ sơ xây dựng hệ thống các chỉ số chất lượng, thông tin, báo cáo về quản lý chất lượng khám bệnh, chữa bệnh	50 năm	
39.	Hồ sơ chuyển giao kỹ thuật công nghệ, chỉ đạo chuyên môn cấp dưới về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	50 năm	
40.	Hồ sơ xây dựng, chỉ đạo việc phát triển y học gia đình, phòng khám bác sỹ gia đình	50 năm	

41.	Hồ sơ xây dựng phòng ngừa sự cố y khoa, sự cố ngoài y khoa trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	50 năm	
42.	Hồ sơ phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh, khám, chữa bệnh từ xa và mạng lưới chỉ đạo chuyên môn	50 năm	
43.	Hồ sơ về kiểm tra, giám sát và hỗ trợ việc triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật	20 năm	
44.	Hồ sơ triển khai các quy định, hướng dẫn chuyên môn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	20 năm	
45.	Hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi, điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật	20 năm	
46.	Hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi, điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với các cá nhân khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật	20 năm	
47.	Hồ sơ quản lý đăng ký hành nghề đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật	20 năm	
48.	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá, công nhận chất lượng bệnh viện	20 năm	
49.	Hồ sơ thẩm định nội dung chuyên môn của hồ sơ đăng ký quảng cáo hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	20 năm	
50.	Hồ sơ hợp tác trong khám bệnh, chữa bệnh	20 năm	
51.	Hồ sơ xây dựng giá dịch vụ y tế	20 năm	
52.	Hồ sơ về xã hội hóa dịch vụ y tế	20 năm	
53.	Hồ sơ giải quyết sự cố y khoa - Sự cố nghiêm trọng - Sự cố thông thường	Vĩnh viễn 20 năm	
54.	Hồ sơ bệnh án tử vong	30 năm	
55.	Hồ sơ bệnh án tâm thần, tai nạn lao động	20 năm	
56.	Hồ sơ về chỉ đạo, tổ chức ứng cứu, tiếp nhận và điều trị nạn nhân trong các vụ tai nạn giao thông	20 năm	
57.	Hồ sơ phối hợp với các cơ quan liên quan phòng chống, cấp cứu và điều trị nạn nhân trong thiên tai, thảm họa	20 năm	
58.	Hồ sơ bệnh án: - Tai nạn sinh hoạt thông thường - Nội, ngoại trú thông thường	10 năm 10 năm	
59.	Hồ sơ công bố cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe	10 năm	
60.	Hồ sơ kiểm tra, giám sát các cơ sở về khám sức khỏe	10 năm	

61.	Sổ, sách phục vụ cho công tác khám chữa bệnh tại các bệnh viện và các cơ sở y tế	05 năm	
62.	Phiếu xuất, nhập thuốc	05 năm	
63.	Giấy khám sức khỏe (phục vụ cho người lao động đi học hoặc đi làm và các hoạt động khác)	02 năm	
64.	Phiếu khảo sát đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân	02 năm	
65.	Sổ sức khỏe điện tử	Theo tuổi thọ người dân	
66.	Hồ sơ hướng dẫn xây dựng các đề án, nhiệm vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong ngành y tế đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vĩnh viễn	
67.	Hồ sơ các cơ sở dữ liệu và báo cáo về việc tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá chất lượng triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên phạm vi toàn quốc	Vĩnh viễn	
68.	Hồ sơ phối hợp xây dựng lộ trình triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên phạm vi toàn quốc	Vĩnh viễn	
69.	Hồ sơ các cơ sở dữ liệu và tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá chất lượng triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên phạm vi toàn quốc	Vĩnh viễn	
70.	Hồ sơ phối hợp xây dựng và triển khai phần mềm quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên phạm vi toàn quốc	Vĩnh viễn	
71.	Hồ sơ các cơ sở dữ liệu và báo cáo về việc tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá chất lượng triển khai phần mềm quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên phạm vi toàn quốc	Vĩnh viễn	
72.	Hồ sơ hướng dẫn tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá chất lượng triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên phạm vi toàn quốc	20 năm	
73.	Hồ sơ hướng dẫn tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá chất lượng triển khai phần mềm quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên phạm vi toàn quốc	20 năm	
74.	Hồ sơ hướng dẫn sử dụng chữ ký điện tử cho các cơ quan, đơn vị trong ngành y tế đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về giao dịch điện tử	20 năm	
75.	Hồ sơ hướng dẫn tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá chất lượng sử dụng chữ ký điện tử cho các cơ quan, đơn vị trong ngành y tế đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về giao dịch điện tử	20 năm	
76.	Hồ sơ các cơ sở dữ liệu và báo cáo về việc tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá chất lượng sử dụng chữ ký điện tử cho các cơ quan, đơn vị trong ngành y tế đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về giao dịch điện tử	20 năm	
77.	Hồ sơ thực hiện công tác đánh giá phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin được ứng dụng trong ngành y tế	20 năm	

78.	Hồ sơ công bố phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin được ứng dụng trong ngành y tế đáp ứng được các tiêu chí kỹ thuật theo đúng quy định hiện hành	20 năm	
79.	Hồ sơ đánh giá phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin được ứng dụng trong ngành y tế	20 năm	
80.	Báo cáo đánh giá chất lượng phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin	20 năm	
81.	Hồ sơ phối hợp thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về điện tử	20 năm	
82.	Hồ sơ phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về y tế điện tử	20 năm	
83.	Hồ sơ triển khai cơ sở dữ liệu và hoạt động hợp tác quốc tế về y tế điện tử	20 năm	
	Nhóm 02. Tài liệu về dược và mỹ phẩm		
84.	Hồ sơ xây dựng, ban hành các văn bản chế độ, quy định, hướng dẫn về thông kê về công tác dược và mỹ phẩm	Vĩnh viễn	
85.	Hồ sơ xây dựng chiến lược phát triển ngành dược	Vĩnh viễn	
86.	Hồ sơ xây dựng các đề án, chương trình mục tiêu của về công tác dược	Vĩnh viễn	
87.	Hồ sơ quản lý, tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình mục tiêu về công tác dược	Vĩnh viễn	
88.	Hồ sơ xây dựng các tiêu chuẩn về công tác dược	Vĩnh viễn	
89.	Hồ sơ thẩm định, phê duyệt chiến lược, đề án quy hoạch phát triển chương trình mục tiêu trong công tác Dược	Vĩnh viễn	
90.	Hồ sơ tài liệu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về công tác dược	Vĩnh viễn	
91.	Hồ sơ xây dựng, sửa đổi bổ sung và hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định về thử thuốc trên lâm sàng	Vĩnh viễn	
92.	Hồ sơ xây dựng quy định việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	Vĩnh viễn	
93.	Hồ sơ xây dựng quy định nghiên cứu về thử thuốc trên lâm sàng	Vĩnh viễn	
94.	Hồ sơ sửa đổi, bổ sung và nghiệm thu nghiên cứu thử thuốc trên lâm sàng	Vĩnh viễn	
95.	Hồ sơ thử thuốc trên lâm sàng, thử tương đương sinh học của thuốc	Vĩnh viễn	
96.	Hồ sơ xây dựng triển khai ứng dụng khoa học công nghệ ngành dược	Vĩnh viễn	
97.	Hồ sơ về dự trữ quốc gia về thuốc và nguyên liệu làm thuốc	Vĩnh viễn	
98.	Biên bản đánh giá đáp ứng GMP của cơ sở sản xuất thuốc nước	20 năm	

	ngoài khi đăng ký lưu hành tại Việt Nam		
99.	Biên bản và báo cáo đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP), thực hành tốt sản xuất bao bì dược phẩm (GMP bao bì)	20 năm	
100.	Biên bản và báo cáo đánh giá đáp ứng thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc (GLP)	20 năm	
101.	Hồ sơ cấp, gia hạn, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	20 năm	
102.	Hồ sơ công bố Danh mục các cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn PICS-GMP và EU-GMP	20 năm	
103.	Hồ sơ cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt GMP, GLP, GSP, thực hành tốt bao bì dược phẩm	20 năm	
104.	Hồ sơ đình chỉ lưu hành, thu hồi, tiêu hủy thuốc kém chất lượng theo quy định của pháp luật	20 năm	
105.	Hồ sơ thẩm định cấp số đăng ký thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm	20 năm	
106.	Hồ sơ đăng ký lần đầu, đăng ký lại, đăng ký thay đổi bổ sung, đăng ký gia hạn thuốc trong nước và thuốc nước ngoài	20 năm	
107.	Hồ sơ đăng ký chuyển nhượng quyền sản xuất thuốc trong nước và ngoài nước (thuốc chuyển giao công nghệ)	20 năm	
108.	Hồ sơ cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do cho các sản phẩm dược	20 năm	
109.	Hồ sơ cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu đối với nguyên liệu, thuốc hướng thần, tiền chất và thuốc thành phẩm dạng phối hợp có chứa hoạt chất gây nghiện, hoạt chất hướng thần, tiền chất; báo cáo định kỳ	20 năm	
110.	Hồ sơ cấp mới, cấp lại chứng chỉ hành nghề dược	20 năm	
111.	Hồ sơ cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc; danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực	15 năm	
112.	Hồ sơ đề nghị đánh giá đáp ứng GMP của cơ sở sản xuất thuốc nước ngoài khi đăng ký lưu hành tại Việt Nam	10 năm	

113.	Hồ sơ đề nghị đánh giá đáp ứng GMP (thực hành sản xuất tốt) để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đăng ký kinh doanh và đánh giá duy trì GMP	10 năm	
114.	Hồ sơ đề nghị đánh giá đáp ứng GLP để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và đánh giá duy trì GLP	10 năm	
115.	Hồ sơ đề nghị đánh giá đáp ứng và tái đánh giá đáp ứng GMP bao bì	10 năm	
116.	Hồ sơ cấp phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (không phải là thuốc kiểm soát đặc biệt)	10 năm	
117.	Hồ sơ cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được	10 năm	
118.	Hồ sơ cấp phép thông tin, quảng cáo thuốc	10 năm	
119.	Công văn trả lời, giải quyết, hướng dẫn... liên quan đến lĩnh vực quản lý dược	10 năm	
120.	Hồ sơ về việc tham gia các hoạt động của hiệp hội, tổ chức quốc tế	10 năm	
121.	Hồ sơ cấp phép nhập khẩu tá dược, chất chuẩn, vỏ nang, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc	05 năm	
122.	Hồ sơ chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ: quản lý giá thuốc cung ứng cho bệnh viện, bao gồm cả nhà thuốc bệnh viện, pha chế thuốc theo đơn	20 năm	
123.	Hồ sơ xây dựng quy định về quản lý giá thuốc	20 năm	
124.	Hồ sơ công bố, công bố lại giá thuốc	20 năm	
125.	Hồ sơ kê khai, kê khai lại giá thuốc	10 năm	
126.	Hồ sơ phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc của các đơn vị, tổ chức	20 năm	
127.	Báo cáo của các sở y tế, các bệnh viện về kê khai lại giá thuốc, kết quả trúng thầu	20 năm	
128.	Hồ sơ đấu thầu thuốc cho các đơn vị, cơ sở y tế - Hồ sơ trúng thầu - Hồ sơ không trúng thầu	20 năm 05 năm	
129.	Hồ sơ tài liệu về sản xuất, lưu hành thuốc	20 năm	

130.	Công văn trao đổi về công tác quản lý giá thuốc	10 năm	
131.	Hồ sơ về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm	10 năm sau khi văn bản hết hiệu lực	
132.	Hồ sơ đề nghị đánh giá để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở thử tương đương sinh học của thuốc và đánh giá duy trì	10 năm	
133.	Hồ sơ chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện toàn diện công tác quản lý đối với mỹ phẩm trên phạm vi quốc gia	20 năm	
134.	Hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	20 năm	
135.	Hồ sơ cấp, thu hồi giấy chứng nhận tiêu chuẩn "Thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm" của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (CGMP-ASEAN)	10 năm	
136.	Hồ sơ xử lý thông tin cảnh báo về an toàn mỹ phẩm	10 năm	
137.	Hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm	10 năm	
138.	Hồ sơ kiểm nghiệm mỹ phẩm	10 năm	
139.	Hồ sơ kiểm tra hậu mại mỹ phẩm	10 năm	
140.	Hồ sơ thẩm định nội dung chuyên môn của hồ sơ đăng ký quảng cáo mỹ phẩm	10 năm	
141.	Hồ sơ đình chỉ lưu hành, thu hồi, tiêu hủy mỹ phẩm kém chất lượng theo quy định của pháp luật	10 năm	
142.	Hồ sơ cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do cho các sản phẩm mỹ phẩm	10 năm	
143.	Hồ sơ về đơn hàng nhập khẩu nhập mẫu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	05 năm	
	Nhóm 03. Tài liệu về thiết bị y tế		
144.	Hồ sơ xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị y tế	Vĩnh viễn	
145.	Hồ sơ ban hành các quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị y tế	Vĩnh viễn	
146.	Hồ sơ về công tác xây dựng TCVN và QCVN	Vĩnh viễn	
147.	Hồ sơ xây dựng thiết kế mẫu trạm y tế xã, phường, thị trấn	Vĩnh viễn	
148.	Hồ sơ xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dụng trong hoạt động y tế	50 năm	

149.	Hồ sơ cung cấp dịch vụ thiết bị y tế	20 năm	
150.	Hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi giấy đăng ký lưu hành sản phẩm thiết bị y tế sản xuất trong nước	20 năm	
151.	Hồ sơ cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS (thiết bị y tế- sản xuất trong nước)	20 năm	
152.	Hồ sơ về nhập khẩu sinh phẩm chẩn đoán Invitro	20 năm	
153.	Hồ sơ về cấp số đăng ký lưu hành sinh phẩm chẩn đoán Invitro	20 năm	
154.	Hồ sơ về danh mục, số lượng và đơn giá kế hoạch đấu thầu hóa chất, vật tư tiêu hao của các đơn vị y tế	20 năm	
155.	Hồ sơ đăng ký lưu hành thiết bị y tế sản xuất trong nước	20 năm	
156.	Hồ sơ về mua sắm thiết bị y tế tại các đơn vị trực thuộc Bộ	20 năm	
157.	Hồ sơ theo dõi về viện trợ thiết bị y tế	20 năm	
158.	Hồ sơ quản lý nhập khẩu tạm nhập tái xuất	20 năm	
159.	Hồ sơ về các chính sách phát triển sản xuất thiết bị y tế trong nước	20 năm	
160.	Hồ sơ xác nhận nội dung quảng cáo thiết bị y tế	10 năm	
161.	Hồ sơ về tập huấn, hội thảo công tác đầu tư xây dựng và thiết bị y tế	10 năm	
	Nhóm 04. Tài liệu về y, dược cổ truyền		
162.	Hồ sơ quy định điều kiện sơ chế, chế biến dược liệu, vị thuốc cổ truyền và sản xuất thuốc cổ truyền trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vĩnh viễn	
163.	Hồ sơ ban hành danh mục dược liệu nuôi trồng, thu hái trong nước	Vĩnh viễn	
164.	Hồ sơ xây dựng ban hành danh mục loài, chủng loại dược liệu quý hiếm, đặc hữu phải kiểm soát	Vĩnh viễn	
165.	Kế hoạch phát triển dược liệu tại một số địa phương	20 năm	
166.	Hồ sơ triển khai công tác đấu thầu dược liệu và vị thuốc cổ truyền trong các bệnh viện	20 năm	
167.	Hồ sơ kiểm tra, giám sát việc đáp ứng GMP, GSP đối với các cơ sở sản xuất dược liệu, thuốc cổ truyền, cơ sở đủ điều kiện chế biến thuốc y dược	20 năm	
168.	Hồ sơ thử thuốc cổ truyền trên lâm sàng trước khi lưu hành	20 năm	

169.	Hồ sơ hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh theo y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại	20 năm	
170.	Hồ sơ đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu, vị thuốc cổ truyền	20 năm	
171.	Hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận lương y có bài thuốc hoặc phương pháp chữa bệnh gia truyền theo quy định của pháp luật	20 năm	
172.	Hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề; đình chỉ, thu hồi giấy phép/chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	20 năm	
173.	Hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền theo quy định của pháp luật	20 năm	
	Nhóm 05. Tài liệu về y tế dự phòng		
174.	Hồ sơ xây dựng quy định chuyên môn, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các lĩnh vực: giám sát, phòng, chống bệnh truyền nhiễm	Vĩnh viễn	
175.	Hồ sơ xây dựng quy định chuyên môn, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các lĩnh vực: giám sát, phòng, chống bệnh không lây nhiễm	Vĩnh viễn	
176.	Hồ sơ xây dựng quy định chuyên môn, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các lĩnh vực: bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; kiểm dịch y tế biên giới	Vĩnh viễn	
177.	Hồ sơ xây dựng, bổ sung danh mục bệnh truyền nhiễm thuộc các nhóm, danh mục bệnh truyền nhiễm bắt buộc phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế	Vĩnh viễn	
178.	Hồ sơ giám sát bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, bệnh không rõ nguyên nhân, phát hiện sớm các bệnh truyền nhiễm gây dịch	Vĩnh viễn	
179.	Hồ sơ triển khai thực hiện hoạt động kiểm dịch y tế biên giới tại các cửa khẩu; thông tin, báo cáo kịp thời tình hình bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm	30 năm	
180.	Hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá tác động sức khỏe đối với các dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh truyền nhiễm	30 năm	
181.	Hồ sơ triển khai các hoạt động phòng, chống tác hại của lạm dụng rượu bia và đồ uống có cồn khác	20 năm	
182.	Hồ sơ cấp, đình chỉ, thu hồi, cấp lại giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	20 năm	
183.	Hồ sơ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định chuyên môn, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực y tế dự phòng trong phạm vi cả nước	20 năm	

184.	Hồ sơ về công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng, công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II và cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	20 năm	
185.	Hồ sơ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cung cấp chính xác và kịp thời thông tin về bệnh truyền nhiễm	20 năm	
186.	Hồ sơ kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các đơn vị, địa phương trong việc tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh	20 năm	
187.	Hồ sơ công tác phòng chống dịch và phòng chống thiên tai thảm họa	20 năm	
188.	Hồ sơ hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại cộng đồng	20 năm	
189.	Hồ sơ tổ chức thực hiện công bố dịch, công bố hết dịch theo quy định của pháp luật	10 năm	
190.	Hồ sơ xây dựng, triển khai kế hoạch tiêm chủng mở rộng hàng năm	05 năm	
191.	Hồ sơ xây dựng, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS	Vĩnh viễn	
192.	Hồ sơ đánh giá thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS	Vĩnh viễn	
193.	Hồ sơ quản lý chương trình phòng chống HIV/AIDS	Vĩnh viễn	
194.	Hồ sơ dự phòng về phơi nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp; Lây nhiễm HIV trong các dịch vụ y tế	50 năm	
195.	Hồ sơ cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV, bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	50 năm	
196.	Hồ sơ xây dựng, bổ sung, sửa đổi quy định phân tuyến kỹ thuật, các quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS	30 năm	
197.	Hồ sơ giám sát HIV/AIDS/STI, theo dõi, đánh giá chương trình phòng chống HIV/AIDS	20 năm	
198.	Hồ sơ phân cấp việc cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện và đình chỉ hoạt động xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính	20 năm	
199.	Hồ sơ xây dựng hướng dẫn hoạt động tư vấn xét nghiệm tại cộng đồng và mở rộng xét nghiệm	20 năm	
200.	Hồ sơ xây dựng hướng dẫn thực hiện giám sát trọng điểm HIV/AIDS	20 năm	
201.	Hồ sơ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	20 năm	
202.	Hồ sơ tư vấn, quản lý xét nghiệm HIV	20 năm	
203.	Hồ sơ quản lý, điều phối và giám sát việc cung ứng sinh phẩm, hóa chất, trang thiết bị liên quan đến xét nghiệm HIV	20 năm	

204.	Hồ sơ về phối hợp liên ngành trong phòng, chống HIV/AIDS	20 năm	
205.	Hồ sơ kiểm tra, thanh tra và đề xuất các biện pháp xử lý vi phạm trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS	20 năm	
206.	Hồ sơ quản lý số liệu báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS, giám sát phát hiện HIV	20 năm	
207.	Hồ sơ quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học về HIV/AIDS	20 năm	
208.	Hồ sơ về quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của mạng lưới phòng, chống HIV/AIDS trong phạm vi cả nước	20 năm	
209.	Hồ sơ triển khai hoạt động can thiệp cho người nghiện ma túy tổng hợp	20 năm	
210.	Hồ sơ triển khai can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM)	20 năm	
211.	Hồ sơ triển khai thí điểm điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng châm cứu	20 năm	
212.	Hồ sơ quản lý, điều phối, giám sát việc cung ứng bao cao su, bơm kim tiêm, các vật dụng can thiệp giảm tác hại khác và các tài liệu truyền thông	20 năm	
213.	Hồ sơ quản lý điều trị HIV/AIDS qua bảo hiểm y tế	20 năm	
214.	Hồ sơ mở rộng cung cấp xét nghiệm tải lượng HIV qua bảo hiểm y tế	20 năm	
215.	Hồ sơ theo dõi điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	20 năm	
216.	Hồ sơ quản lý chương trình lao	20 năm	
217.	Hồ sơ quản lý chương trình đồng nhiễm viêm gan/HIV (viêm gan B,C)	20 năm	
218.	Hồ sơ quản lý thuốc ARV cho điều trị HIV/AIDS	20 năm	
219.	Hồ sơ triển khai cung cấp dịch vụ điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV (PrEP)	20 năm	
220.	Hồ sơ dự phòng và giám sát HIV kháng thuốc, quản lý chất lượng điều trị HIV/AIDS	20 năm	
221.	Hồ sơ theo dõi, giám sát hỗ trợ kỹ thuật về điều trị HIV/AIDS	20 năm	
222.	Hồ sơ xây dựng kế hoạch về điều trị HIV/AIDS	20 năm	
223.	Hồ sơ triển khai phần mềm quản lý, theo dõi về điều trị HIV/AIDS	20 năm	
224.	Hồ sơ triển khai, quản lý điều trị HIV/AIDS cho trẻ em	20 năm	
225.	Hồ sơ quản lý hệ thống phòng xét nghiệm khẳng định HIV/AIDS	20 năm	

226.	Hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích	Vĩnh viễn	
227.	Hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực sức khỏe môi trường, cộng đồng	Vĩnh viễn	
228.	Hồ sơ xây dựng quy định chuyên môn, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực vệ sinh lao động, sức khỏe nghề nghiệp, tai nạn thương tích	Vĩnh viễn	
229.	Hồ sơ tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy luật pháp lý về quản lý chất thải y tế trong vị khuôn viên cơ sở y tế	Vĩnh viễn	
230.	Hồ sơ xây dựng danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội tại Việt Nam	Vĩnh viễn	
231.	Hồ sơ xây dựng ban hành các quy định, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng	Vĩnh viễn	
232.	Hồ sơ xây dựng ban hành các quy định, tiêu chuẩn về vệ sinh chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt, vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình, vệ sinh cá nhân	Vĩnh viễn	
233.	Hồ sơ hướng dẫn triển khai các hoạt động điều tra, giám sát, đánh giá và phòng chống các yếu tố bất lợi do môi trường và biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng	Vĩnh viễn	
234.	Hồ sơ xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, danh mục, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Vĩnh viễn	
235.	Hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	Vĩnh viễn	
236.	Hồ sơ chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường	Vĩnh viễn	
237.	Hồ sơ ứng dụng công nghệ thông tin và hợp tác quốc tế về vệ sinh sức khỏe trường học	50 năm	
238.	Hồ sơ tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe con người trước tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và các yếu tố môi trường bất lợi	30 năm	
239.	Hồ sơ cấp giấy tiếp nhận, công bố, thu hồi công bố đủ điều kiện thực hiện đào tạo cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động	20 năm	
240.	Hồ sơ chương trình, dự án, đề án về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	20 năm	
241.	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	20 năm	
242.	Hồ sơ đăng ký mới, gia hạn, bổ sung lưu hành hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	20 năm	
243.	Hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi, đình chỉ số đăng ký lưu hành hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng	20 năm	

	và y tế		
244.	Hồ sơ cấp giấy phép nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	20 năm	
245.	Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tự do hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	20 năm	
246.	Hồ sơ công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	20 năm	
247.	Hồ sơ cấp, cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	20 năm	
248.	Hồ sơ công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	20 năm	
249.	Hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	20 năm	
250.	Hồ sơ cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám, điều trị bệnh nghề nghiệp	20 năm	
251.	Hồ sơ xây dựng đề án chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp	20 năm	
252.	Hồ sơ cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động, huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật	20 năm	
253.	Hồ sơ về chiến lược, đề án, chương trình quốc gia về y tế học đường	20 năm	
254.	Hồ sơ về tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, tập huấn công tác y tế trường học	20 năm	
255.	Hồ sơ công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe phòng chống bệnh tật học đường	20 năm	
256.	Hồ sơ về công tác truyền thông, giáo dục về lĩnh vực sức khỏe môi trường cộng đồng	20 năm	
257.	Hồ sơ hướng dẫn triển khai thực hiện phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân và các phong trào vệ sinh phòng bệnh, nâng cao sức khỏe	20 năm	
258.	Hồ sơ về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt	20 năm	
259.	Hồ sơ đề án, dự án về sức khỏe môi trường cộng đồng	20 năm	
260.	Hồ sơ về kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về vệ sinh sức khỏe trường học	20 năm	
261.	Hồ sơ theo dõi về quản lý chất thải y tế	20 năm	
262.	Hồ sơ cấp giấy tiếp nhận, công bố, thu hồi công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động	20 năm	

263.	Hồ sơ cấp phép phòng khám đủ điều kiện khám, điều trị bệnh nghề nghiệp	20 năm	
264.	Hồ sơ đăng ký lưu hành chế phẩm không gia hạn theo quy định	20 năm	
265.	Hồ sơ triển khai các văn bản pháp luật, chính sách, văn bản chỉ đạo về quản lý chất thải y tế và bảo vệ môi trường trong cơ sở y tế	20 năm	
266.	Hồ sơ kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế và bảo vệ môi trường trong cơ sở y tế	20 năm	
267.	Báo cáo về quản lý chất thải y tế và bảo vệ môi trường trong cơ sở y tế	20 năm	
268.	Hồ sơ chỉ đạo về đánh giá tác động môi trường	20 năm	
269.	Hồ sơ kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường	20 năm	
270.	Hồ sơ thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy và giấy xác nhận công bố phù hợp quy định, thay đổi hình ảnh cảnh báo sức khỏe đối với thuốc lá	20 năm	
271.	Hồ sơ cấp, cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	10 năm	
	Nhóm 06. Tài liệu về an toàn thực phẩm		
272.	Hồ sơ xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về giám sát, phòng chống ngộ độc thực phẩm, cảnh báo nguy cơ thực phẩm mất an toàn, các bệnh truyền qua thực phẩm và công tác chỉ đạo tuyến về bảo đảm an toàn thực phẩm	Vĩnh viễn	
273.	Hồ sơ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh thực phẩm	Vĩnh viễn	
274.	Hồ sơ kiểm tra, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm	Vĩnh viễn	
275.	Hồ sơ xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm	Vĩnh viễn	
276.	Hồ sơ giám sát, phòng ngừa, điều tra và phối hợp ngăn chặn ngộ độc thực phẩm và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm	Vĩnh viễn	
277.	Báo cáo, tổng hợp, thống kê hàng năm về điều kiện an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm, phân tích nguy cơ, xử lý sự cố về an toàn thực phẩm	Vĩnh viễn	
278.	Hồ sơ giám sát phòng ngừa, điều tra và phối hợp ngăn chặn ngộ độc thực phẩm và khắc phục sự cố về thực phẩm	Vĩnh viễn	

	Vụ việc nghiêm trọng Vụ việc thường	20 năm	
279.	Hồ sơ, tài liệu về công tác giám sát và cảnh báo nguy cơ an toàn thực phẩm	50 năm	
280.	Hồ sơ triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn thực phẩm	20 năm	
281.	Hồ sơ chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về thực phẩm	20 năm	
282.	Hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn thực phẩm (Thông tư, QCVN)	20 năm	
283.	Báo cáo tổng kết, thống kê về công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra an toàn thực phẩm	20 năm	
284.	Hồ sơ chỉ định, gia hạn, thay đổi, bổ sung, miễn kiểm tra, giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	20 năm	
285.	Hồ sơ ban hành các quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	20 năm	
286.	Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu và trong nước đối với phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định	20 năm	
287.	Hồ sơ tự công bố sản phẩm thực phẩm theo quy định của pháp luật	20 năm	
288.	Hồ sơ cấp, đình chỉ, thu hồi: giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm theo quy định của pháp luật	20 năm	
289.	Hồ sơ cấp, đình chỉ, thu hồi: giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế theo quy định của pháp luật	20 năm	
290.	Hồ sơ thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do, giấy chứng nhận y tế đối với các thực phẩm xuất khẩu	20 năm	
291.	Hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu(CFS)	20 năm	
292.	Hồ sơ cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu	20 năm	
293.	Hồ sơ cấp giấy chứng nhận y tế (HC) đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	10 năm	
294.	Hồ sơ đăng ký, xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt	10 năm	

295.	Hồ sơ đăng ký, xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	10 năm	
296.	Hồ sơ cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh các sản phẩm	10 năm	
297.	Hồ sơ, tài liệu cập nhật và xử lý các thông tin cảnh báo quốc tế về an toàn thực phẩm	20 năm	
298.	Hồ sơ hợp tác quốc tế về an toàn thực phẩm		
299.	Hồ sơ, tài liệu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về an toàn thực phẩm	20 năm	
300.	Hồ sơ triển khai hoạt động chỉ đạo tuyến về an toàn thực phẩm	20 năm	
301.	Hồ sơ về công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm	20 năm	
302.	Hồ sơ, tài liệu về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm phục vụ các sự kiện trong nước và quốc tế	20 năm	
303.	Hồ sơ, tài liệu về công tác quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với phụ gia thực phẩm	20 năm	
304.	Hồ sơ, tài liệu về công tác quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với vitamin A để bổ sung vào dầu thực vật	20 năm	
305.	Hồ sơ, tài liệu về công tác quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm	20 năm	
306.	Hồ sơ cấp đăng ký, thu hồi hồ sơ công bố thực phẩm bảo vệ sức khỏe	20 năm	
307.	Hồ sơ, tài liệu liên quan hoạt động xây dựng nội dung và phối hợp tổ chức xuất bản các tài liệu, ấn phẩm về an toàn thực phẩm	20 năm	
308.	Hồ sơ, tài liệu liên quan hoạt động tổ chức nghiên cứu, triển khai, ứng dụng, thử nghiệm đề tài khoa học về an toàn thực phẩm	20 năm	
309.	Hồ sơ, tài liệu liên quan hoạt động kiểm tra, thanh tra, chứng nhận GPM, thẩm xét hồ sơ về an toàn thực phẩm	20 năm	
310.	Hồ sơ, tài liệu liên quan hoạt động kiểm nghiệm thực phẩm, tham gia kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm	20 năm	
311.	Hồ sơ thường trực vệ sinh an toàn thực phẩm của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm (Ủy ban Codex) Việt Nam	20 năm	
312.	Hồ sơ thống kê công tác phòng ngừa, giám sát ngăn chặn ngộ độc thực phẩm và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm	20 năm	
313.	Hồ sơ triển khai, hướng dẫn thực hiện bảo đảm an toàn thực phẩm phục vụ sự kiện trong nước và quốc tế	10 năm	
314.	Báo cáo, tổng hợp, thống kê hàng quý, tháng về điều kiện an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm, phân tích nguy cơ, xử lý sự cố về an toàn thực phẩm	10 năm	
315.	Hồ sơ về công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm	10 năm	

	Nhóm 07. Tài liệu về Bảo hiểm y tế		
316.	Hồ sơ xây dựng văn bản chỉ đạo điểm, tăng cường công tác bảo hiểm y tế	Vĩnh viễn	
317.	Hồ sơ xây dựng văn bản chỉ đạo điểm, tăng cường công tác giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến; dược và vật tư y tế	Vĩnh viễn	
318.	Hồ sơ xây dựng quy định, văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về bảo hiểm y tế	Vĩnh viễn	
319.	Hồ sơ giám định lại bảo hiểm y tế	50 năm	
320.	Hồ sơ xây dựng ban hành danh mục thuốc, vật tư y tế, danh mục kỹ thuật thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế	30 năm	
321.	Hồ sơ thống kê về công tác bảo hiểm y tế	20 năm	
322.	Hồ sơ quản lý, thu, truy thu bảo hiểm y tế	20 năm	
323.	Hồ sơ tổ chức đấu thầu thuốc, vật tư y tế phục vụ công tác bảo hiểm y tế	20 năm	
324.	Hồ sơ phối hợp thực hiện thu, thu nợ bảo hiểm y tế	20 năm	
325.	Hồ sơ phối hợp trong việc chi trả các chế độ bảo hiểm y tế	20 năm	
326.	Hồ sơ xây dựng nhằm cân đối quỹ bảo hiểm y tế	30 năm	
327.	Hồ sơ xây dựng kế hoạch giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến; Dược, vật tư y tế	20 năm	
328.	Hồ sơ hợp tác với Tổ chức y tế thế giới (WHO) trong công tác bảo hiểm y tế	20 năm	
329.	Hồ sơ về việc ký, thanh lý hợp đồng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế với các cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế	20 năm	
	Nhóm 08. Tài liệu về dân số		
330.	Hồ sơ quản lý biến động về dân số, đề xuất các giải pháp điều chỉnh mức sinh theo vùng, đối tượng và tỷ lệ gia tăng dân số trên phạm vi cả nước	Vĩnh viễn	
331.	Hồ sơ xây dựng dự báo dân số phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Vĩnh viễn	
332.	Hồ sơ xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, chỉ báo, giải pháp về quy mô dân số	Vĩnh viễn	

333.	Hồ sơ tổ chức điều tra, khảo sát, phân tích số liệu về dân số	Vĩnh viễn	
334.	Hồ sơ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện tránh thai	Vĩnh viễn	
335.	Hồ sơ cho phép thực hiện dịch vụ tư vấn đối với các cơ sở hành nghề dịch vụ tư vấn về dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật	50 năm	
336.	Hồ sơ xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu về thực hiện kế hoạch hóa gia đình, biện pháp tránh thai; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện	50 năm	
337.	Hồ sơ quản lý, điều phối hoạt động cung ứng phương tiện tránh thai: xây dựng định mức quản lý, sử dụng phương tiện tránh thai; dự báo nhu cầu; hướng dẫn triển khai các kênh phân phối miễn phí, tiếp thị xã hội, xã hội hóa	50 năm	
338.	Hồ sơ xây dựng hướng dẫn các biện pháp phòng tránh vô sinh tại cộng đồng (hướng dẫn sàng lọc, phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ vô sinh, xây dựng mô hình can thiệp dự phòng vô sinh tại cộng đồng); hướng dẫn, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện	50 năm	
339.	Hồ sơ xây dựng, phê duyệt đề án điều chỉnh mức sinh giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030	50 năm	
340.	Hồ sơ xây dựng, hướng dẫn kiểm tra và tổ chức thực hiện chỉ tiêu, chỉ báo, giải pháp về chất lượng dân số, cơ cấu dân số theo giới tính và độ tuổi	50 năm	
341.	Hồ sơ xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, chỉ báo, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số	50 năm	
342.	Hồ sơ xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật để đảm bảo cân bằng giới tính khi sinh theo quy luật sinh sản tự nhiên	50 năm	
343.	Hồ sơ xây dựng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với cơ sở cung ứng dịch vụ: Tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chuẩn đoán trước sinh và sơ sinh; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện	50 năm	
344.	Hồ sơ hướng dẫn sàng lọc trước sinh và sơ sinh	50 năm	
345.	Hồ sơ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh	20 năm	

346.	Hồ sơ xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng người cao tuổi ở cộng đồng; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện	50 năm	
347.	Hồ sơ chủ trì, xây dựng mô hình thí điểm cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở cộng đồng	50 năm	
348.	Hồ sơ đề án xây dựng, phát triển nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	50 năm	
349.	Hồ sơ về triển khai công tác truyền thông dân số	20 năm	
350.	Hồ sơ thiết kế, sản xuất các tài liệu, sản phẩm, ấn phẩm truyền thông - giáo dục về dân số	20 năm	
351.	Hồ sơ về phổ biến, giáo dục các quy định pháp luật chính sách dân số	20 năm	
352.	Hồ sơ về hoạt động bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ	20 năm	
353.	Hồ sơ xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình trong lĩnh vực cơ cấu, chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	20 năm	
354.	Hồ sơ về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, giới, bình đẳng giới	15 năm	
	Nhóm 09. Tài liệu về sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em		
355.	Hồ sơ xây dựng, ban hành hệ thống chỉ tiêu, chỉ báo về sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ trẻ em	Vĩnh viễn	
356.	Hồ sơ xây dựng ban hành hướng dẫn chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe bà mẹ trẻ em	Vĩnh viễn	
357.	Hồ sơ cho phép các cơ sở y tế thực hiện việc xác định giới tính	Vĩnh viễn	
358.	Hồ sơ công nhận các cơ sở y tế được thực hiện kỹ thuật hỗ trợ thụ tinh trong ống nghiệm, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	Vĩnh viễn	
359.	Hồ sơ, tài liệu về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	Vĩnh viễn	
360.	Hồ sơ, tài liệu và sổ sách về cấp và cấp lại giấy chứng sinh	Vĩnh viễn	
361.	Hồ sơ, tài liệu về hiến, nhận tinh trùng, noãn, phôi	Vĩnh viễn	
362.	Hồ sơ xây dựng hướng dẫn các tổ chức thực hiện các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ trẻ em	20 năm	

363.	Hồ sơ, tài liệu về công tác bảo trợ, chăm sóc trẻ em	20 năm	
364.	Hồ sơ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án về công tác bảo trợ, chăm sóc trẻ em	20 năm	
365.	Hồ sơ trao đổi về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ trẻ em	10 năm	
366.	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện đối với các tổ chức, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	20 năm	
367.	Hồ sơ hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em	Vĩnh viễn	
368.	Hồ sơ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về lĩnh vực bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản	10 năm	
369.	Hồ sơ thành lập, đăng ký, đình chỉ, chấm dứt hoạt động cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	20 năm	
370.	Hồ sơ tiếp nhận thông tin liên quan đến mua bán người (qua đường dây nóng)	Vĩnh viễn	
	Nhóm 10. Tài liệu về phòng, chống tệ nạn xã hội		
371.	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống mại dâm	20 năm	
372.	Hồ sơ xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ nạn nhân bị mua bán	30 năm	
373.	Hồ sơ hướng dẫn, tổ chức thực hiện các biện pháp hỗ trợ nạn nhân bị mua bán	20 năm	
374.	Hồ sơ triển khai các hoạt động hỗ trợ nạn nhân bị mua bán người trở về hòa nhập cộng đồng	20 năm	
375.	Hồ sơ triển khai các hoạt động hỗ trợ người bán dâm trở về hòa nhập cộng đồng	20 năm	
376.	Hồ sơ tuyên truyền, giáo dục và ngăn ngừa các hoạt động mua bán người	20 năm	
377.	Hồ sơ xây dựng các biện pháp phòng chống buôn bán người	20 năm	
378.	Hồ sơ tuyên truyền, triển khai về công tác bình đẳng giới	20 năm	
379.	Hồ sơ hướng dẫn sàng lọc dấu hiệu bị mua bán đối với người lao động	20 năm	
	Nhóm 11. Tài liệu về bảo trợ xã hội		
380.	Hồ sơ xây dựng ban hành và hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi, người khuyết tật	20 năm	
381.	Hồ sơ triển khai thực hiện các quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội tại cộng đồng và tại các cơ sở trợ giúp xã hội	30 năm	

382.	Hồ sơ đăng ký, quản lý và cấp phép việc thành lập và hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội	20 năm	
383.	Hồ sơ ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về cứu trợ xã hội trong việc khắc phục hậu quả thiên tai	20 năm	
384.	Hồ sơ tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội	20 năm	
385.	Hồ sơ tổ chức thực hiện các biện pháp hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán hòa nhập cộng đồng	20 năm	
386.	Hồ sơ lồng ghép nội dung phòng, chống mua, bán người vào các chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm	20 năm	
387.	Hồ sơ tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch về người cao tuổi, người khuyết tật	50 năm	
388.	Hồ sơ hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về điều kiện, thủ tục thành lập và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc người khuyết tật	20 năm	
389.	Hồ sơ hỗ trợ chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc và mai táng người cao tuổi, người khuyết tật trong cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật	20 năm	
390.	Báo cáo của Ban chỉ đạo thực hiện các điều ước, công ước về phòng, chống mua bán người	20 năm	